TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẦU GIẤY** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/7/2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh

2. Ông Nguyễn Văn Đông

***Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Nhật Huy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 717/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

Hộ khẩu: Số 9, ngõ 89 đường LLQ, tổ 8, phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội; Tạm trú: P414A-B11 tập thể NT, quận Cầu Giấy, Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 9, ngõ 89 đường LLQ, tổ 8, phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về tình cảm: Tôi và anh Nguyễn Hùng C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội ngày 17/11/2000.

Sau khi kết hôn tôi và anh C sống tại Số 9, ngõ 89 đường LLQ, tổ 8, phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Cuộc sống bình thường đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, quan điểm sống. Chúng tôi thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 4/2018. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2018 đến nay, mỗi người ở một nơi, không nói chuyện được với nhau. Tôi và con thứ hai là Nguyễn Hoa Đức L đã chuyển đi sống tại P414A-B11 tập thể NT, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng, không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh C

- Về con chung: Tôi và anh C có 02 con chung: Nguyễn Hoa Phúc L (nam), sinh 14/7/2001 và Nguyễn Hoa Đức L (nam), sinh 04/7/2008. Cháu Phúc L đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường. Việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định. Tôi có nguyện vọng xin nuôi cháu Nguyễn Hoa Đức L và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tôi hiện bán hàng tự do, thu nhập trung bình là 10.000.000 đồng/tháng. Thực tế từ 2018 đến nay tôi vẫn nuôi cháu Đức L.

- Về tài sản (gồm động sản và bất động sản): Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Tôi và anh C không có khoản nợ chung nào cả, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về án phí : Tôi tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

* Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như trên và không thay đổi, bổ sung gì.

Ngoài các vấn đề trên, chị N không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận

công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa với anh Nguyễn Hùng C. Song anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng tại tòa án mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị:

Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh C. Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung: Nguyễn Hoa Phúc L (nam), sinh 14/7/2001 và Nguyễn Hoa Đức L (nam), sinh 04/7/2008. Cháu Phúc L đã trưởng thành. Việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định. Giao cháu Nguyễn Hoa Đức L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

Về tài sản: Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xét. Về nợ: Chị N xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xét. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua thẩm vấn công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh C có hộ khẩu thường trú và cư trú tại số 9 ngõ 89 LLQ, phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Nguyễn Hùng C. Song anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hùng C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội ngày 17/11/2000. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình cảm: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh C phát sinh do không hợp tính tình, quan điểm sống. Vợ chồng sống mỗi người một nơi và ly thân từ năm 2018 đến nay. Việc anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án cho thấy anh C cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh C là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh chị, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung: Nguyễn Hoa Phúc L (nam), sinh 14/7/2001 và Nguyễn Hoa Đức L (nam), sinh 04/7/2008. Cháu Phúc L đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường. Việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

Xét thực tế, cháu Đức Lâm đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chị N là người có công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Cháu Đức L cũng có nguyện vọng được ở với chị N. Việc giao cháu Đức L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản (động sản và bất động sản): Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

[7] Về nợ: Chị N xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng:</u>

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

<u>Xử:</u>

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Hùng C. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hùng C.

2. Về con: Chị N và anh C có 02 con chung: Nguyễn Hoa Phúc L (nam), sinh 14/7/2001 và Nguyễn Hoa Đức L (nam), sinh 04/7/2008. Cháu Phúc L đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường. Việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

Giao cháu Nguyễn Hoa Đức L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Hùng C.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản (động sản, bất động sản): Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

4. Về nợ: Chị N xác định chị và anh C không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0003148 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Xác định chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị N, vắng mặt anh C. Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hùng C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Cầu Giấy.
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Anh